

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2456**/UBND-NNMT

Quảng Trị, ngày **25** tháng 5 năm 2026

V/v tập trung nguồn lực triển khai đợt cao
điểm 30 ngày đêm làm giàu, làm sạch cơ sở
dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh

Kính gửi:

- Các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường,
Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 530/TTg-NN ngày 19/5/2026; Thông báo số 239/TB-VPCP ngày 08/5/2026 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng tại cuộc họp về tình hình triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương ngày 22/5/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động triển khai đợt cao điểm 30 ngày đêm làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể của Nhóm 1 (tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”), cụ thể như sau:

- **Đến cuối tháng 5/2026:** Toàn tỉnh đạt **35%** (tương ứng khoảng **924.493/2.641.407** thửa đất).

- **Trong tháng 6/2026:** Toàn tỉnh đạt **trên 50%** (tương ứng khoảng **1.320.704/2.641.407** thửa đất).

Để đạt được mục tiêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu tiếp tục quán triệt, xác định việc hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai bảo đảm “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung” là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, cấp bách trong năm 2026, đặc biệt là trong thời gian thực hiện đợt cao điểm 30 ngày đêm thực hiện đối với nội dung xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”; trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện theo tinh thần “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; Tăng cường thông tin, tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, quyền lợi và trách nhiệm trong việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, làm sạch, đối khớp, xác thực và hoàn thiện dữ liệu đất đai.



2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

2.1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát toàn bộ khối lượng công việc theo Công văn số 785/UBND-NNMT ngày 06/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 1828/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để thực hiện đúng tiến độ, chất lượng. Thường xuyên theo dõi, chủ động nắm tình hình ở các địa phương để hướng dẫn, xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

2.2. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai rà soát, phân loại dữ liệu đất đai chưa “đúng - đủ - sạch - sống”(nhóm 2) khoảng 1,86 triệu thửa đất của 78 xã, phường, đặc khu; lập danh sách thửa đất đã được phân loại cụ thể theo từng nhóm và chuyển cho UBND các xã, phường, đặc khu để cập nhật, bổ sung các thông tin còn thiếu, đối với các nhóm thông tin thuộc trách nhiệm của UBND các xã, phường, đặc khu.

- Thời gian hoàn thành: chậm nhất trong ngày 25/5/2026.

2.3. Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện đối khớp, xác thực thông tin chủ sử dụng với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiếp tục cập nhật, rà soát, điều chỉnh thông tin chủ sử dụng đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Thời gian đối sánh với C06 - Bộ Công an: Đợt 1: 28/5; Đợt 2: từ 10-15/6; Đợt 3: trước 25/6.

2.4. Trên cơ sở kết quả rà soát, cập nhật của UBND các xã, phường, đặc khu kết quả đối sánh với C06 - Bộ Công an rà soát, bổ sung các trường còn thiếu, bổ sung các khối dữ liệu chưa được kết nối với dữ liệu (không gian, thuộc tính, hồ sơ quét) để đảm bảo các thửa đất đạt kết quả “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Thời gian:

+ Đến ngày 30/5: 35%: tăng thêm hơn 142.796 thửa đất.

+ Đến ngày 10/6: 40%: tăng thêm hơn 274.866 thửa đất.

+ Đến ngày 20/6: 45%: tăng thêm hơn 406.936 thửa đất.

+ Đến ngày 25/6: trên 50%: tăng thêm hơn 540.007 thửa đất.

2.5. Tổ chức kiểm tra, hướng dẫn trực tiếp và giải quyết các khó khăn, vướng mắc của các địa phương; đồng thời giao Văn phòng Đăng ký đất đai thành lập các Tổ kỹ thuật để kịp thời hướng dẫn các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế - Hạ tầng và đô thị các xã, phường.

2.6. Chủ trì, phối hợp với các địa phương và sở, ngành có liên quan cập nhật Bảng tiến độ kèm theo Công văn số 785/UBND-NNMT ngày 06/3/2026 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 1828/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh. Tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2.7. Tổ chức tập huấn cho cán bộ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cán bộ, công chức của UBND các xã, phường, đặc khu, cán bộ thôn, xóm, bản, tổ dân phố... để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2.8. Điều chuyển tạm thời, bố trí cán bộ, công chức, viên chức giữa các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phù hợp khối lượng công việc của các xã, phường, đặc khu để thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Công an tỉnh:

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, Công an các xã, phường tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường, đặc khu trong việc làm sạch, xác thực, đối khớp dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Tập trung phối hợp xử lý, bổ sung thông tin đối với các trường hợp chưa xác thực, chưa đầy đủ dữ liệu, các trường hợp ngoài địa phương do Văn phòng đăng ký đất đai, UBND các xã, phường chuyển đến để đối soát; bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan rà soát, cân đối nguồn lực nhằm đảm bảo bố trí đủ kinh phí để trang bị máy móc, thiết bị phục vụ cho việc triển khai Kế hoạch đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; hướng dẫn các đơn vị, địa phương trường hợp áp dụng cơ chế đặc thù hoặc hình thức lựa chọn nhà thầu theo hướng dẫn của Bộ Tài chính nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Trường hợp khó khăn về nguồn lực, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh báo cáo, đề xuất Trung ương hỗ trợ theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành có liên quan, UBND các xã, phường, đặc khu tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ thủ tục hành chính đất đai để cắt giảm, không yêu cầu người dân phải đính kèm giấy tờ khi đã có trong dữ liệu đáp ứng yêu cầu thực chất, đơn giản, thuận lợi, dễ tiếp cận, dễ sử dụng để tiếp nhận, giải quyết các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, đánh giá tổng thể hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và phần mềm hệ thống thông tin đất đai đang vận hành để có phương án đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện, duy trì hệ thống gắn với đào tạo nguồn nhân lực để sử dụng ngay đảm bảo đầu tư hiệu quả, tiết kiệm, tránh trùng lặp, lãng phí nhằm đáp ứng tiến độ xây dựng, hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai trong giai đoạn hiện nay.

6. UBND các xã, phường, đặc khu:

6.1. Khẩn trương rà soát toàn bộ khối lượng công việc theo Công văn số 785/UBND-NNMT ngày 06/3/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 1828/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Rà soát, cập nhật đầy đủ khối lượng công việc chưa hoàn thành; tập trung huy động tối đa nhân lực (thành lập các tổ công tác để trực tiếp làm việc với các chủ thửa đất, cập nhật số liệu), phương tiện, tổ chức thực hiện quyết liệt, hiệu quả.

6.2. Chủ động rà soát, kiểm tra, đối soát các thửa đất thuộc UBND xã, phường, đặc khu đang quản lý, sử dụng và các thửa đất chưa có giấy chứng nhận

tiến hành thực hiện kê khai đăng ký theo quy định đảm bảo được dữ liệu đất đai “đúng - đủ - sạch - sống” (Nhóm 1). Tiếp tục rà soát, đối soát các thông tin chủ sử dụng thuộc mục 3.5 của Kế hoạch số 515/KH-BNNMT-BCA của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an.

- Thời gian:

+ Đến ngày 30/5: Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt từ mức trung bình toàn tỉnh trở lên (29,6%), phần đầu tăng 5%. Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt dưới mức trung bình toàn tỉnh, tăng tối thiểu 7%.

+ Đến ngày 10/6: Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt từ mức trung bình toàn tỉnh trở lên (29,6%), phần đầu tăng 10%. Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt dưới mức trung bình toàn tỉnh, tăng tối thiểu 15%.

+ Đến ngày 20/6: Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt từ mức trung bình toàn tỉnh trở lên (29,6%), phần đầu tăng 15%. Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt dưới mức trung bình toàn tỉnh, tăng tối thiểu 20%.

+ Đến ngày 25/6: Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt từ mức trung bình toàn tỉnh trở lên (29,6%), phần đầu tăng 20%. Nhóm các xã, phường, đặc khu hiện tại đạt dưới mức trung bình toàn tỉnh, tăng tối thiểu 25%.

(Có phụ lục phân bổ chỉ tiêu đến từng đơn vị hành chính cấp xã kèm theo)

6.3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm trong việc đăng ký đất đai, hoàn thiện dữ liệu đất đai.

6.4. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tiến độ định kỳ; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc, các nội dung chưa rõ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua văn phòng Đăng ký đất đai) để hướng dẫn, xử lý; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo nội dung vượt thẩm quyền.

Yêu cầu các sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Bí thư Đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

PHỤ LỤC: PHÂN BỐ CHỈ TIÊU

Nhóm dữ liệu đất đai “**đúng – đủ – sạch – sống**” phân bổ đến các xã, phường
cụ thể theo mốc thời gian

T T	Tên Đơn vị hành chính	Tổng số thửa	Phân theo mốc thời gian				
			Tính đến ngày 22/5/2026	30/5/2026	10/6/2026	20/6/2026	25/6/2026
1	Xã Tuyên Bình	24.771	13.004	14.342	15.580	16.819	18.057
2	Xã Hiếu Giang	62.794	30.573	33.964	37.104	40.243	43.383
3	Xã Tuyên Hóa	45.798	22.193	24.666	26.956	29.246	31.536
4	Xã Tuyên Lâm	11.724	5.639	6.272	6.858	7.444	8.031
5	Xã Tuyên Sơn	8.842	4.137	4.614	5.057	5.499	5.941
6	Xã Ba Lòng	9.211	4.210	4.707	5.168	5.628	6.089
7	Xã Hướng Hiệp	18.674	8.171	9.179	10.113	11.047	11.980
8	Xã Cam Lộ	48.835	21.299	23.936	26.378	28.820	31.261
9	Xã Lệ Thủy	59.018	25.576	28.763	31.714	34.665	37.616
10	Xã Minh Hóa	36.117	14.824	16.774	18.580	20.386	22.192
11	Xã Phú Trạch	62.483	25.082	28.456	31.580	34.704	37.829
12	Xã Phong Nha	57.224	22.947	26.037	28.898	31.759	34.621
13	Xã Nam Cửa Việt	40.517	16.164	18.352	20.378	22.404	24.429
14	Xã Kim Phú	36.610	14.524	16.501	18.331	20.162	21.992
15	Phường Bắc Gianh	32.359	12.680	14.427	16.045	17.663	19.281
16	Xã Triệu Bình	43.670	17.089	19.447	21.631	23.814	25.998
17	Phường Nam Đông Hà	39.426	15.361	17.490	19.461	21.433	23.404
18	Xã Tân Mỹ	46.797	18.188	20.715	23.055	25.395	27.735
19	Xã Triệu Phong	27.427	10.565	12.046	13.417	14.789	16.160
20	Xã Hướng Lập	3.446	1.328	1.514	1.686	1.859	2.031
21	Xã Đakrông	12.523	4.704	5.380	6.006	6.633	7.259
22	Xã Tuyên Phú	34.727	12.783	14.658	16.395	18.131	19.867
23	Phường Quảng Trị	29.697	10.872	12.476	13.960	15.445	16.930
24	Xã La Lay	7.736	2.835	3.253	3.640	4.026	4.413
25	Xã Tà Rụt	10.020	3.648	4.189	4.690	5.191	5.692
26	Xã Nam Hải Lăng	41.658	15.128	17.378	19.460	21.543	23.626
27	Xã Bồ Trạch	63.431	23.023	26.448	29.620	32.791	35.963
28	Xã Trường Sơn	12.388	4.466	5.135	5.754	6.374	6.993
29	Xã Trung Thuận	22.721	8.179	9.406	10.542	11.678	12.814
30	Xã Tân Thành	8.231	2.901	3.345	3.757	4.169	4.580
31	Xã Đồng Lê	39.097	13.496	15.607	17.562	19.517	21.472
32	Xã Lao Bảo	14.058	4.804	5.563	6.266	6.969	7.672
33	Xã Cam Hồng	33.828	11.444	13.271	14.962	16.654	18.345

T T	Tên Đơn vị hành chính	Tổng số thửa	Phân theo mốc thời gian				
			Tính đến ngày 22/5/2026	30/5/2026	10/6/2026	20/6/2026	25/6/2026
34	Xã Sen Nư	34.106	11.251	13.093	14.798	16.503	18.209
35	Xã Bắc Trạch	48.617	15.788	18.413	20.844	23.275	25.706
36	Xã Nam Ba Đồn	36.312	11.661	13.622	15.437	17.253	19.069
37	Xã Lĩa	7.671	2.454	2.868	3.252	3.635	4.019
38	Xã Triệu Cơ	59.794	18.911	22.140	25.130	28.119	31.109
39	Xã Nam Gianh	33.245	10.449	12.244	13.906	15.569	17.231
40	Xã Ái Tử	40.463	12.614	14.799	16.822	18.845	20.868
41	Xã Tân Gianh	24.272	7.172	8.968	10.570	11.784	12.876
42	Xã Tân Lập	18.030	5.263	6.597	7.787	8.689	9.500
43	Xã Diên Sanh	51.773	15.098	18.929	22.346	24.935	27.265
44	Xã Hòa Trạch	41.649	11.993	15.075	17.824	19.906	21.781
45	Xã Kim Điền	14.595	4.089	5.169	6.132	6.862	7.519
46	Xã Trường Phú	35.359	9.847	12.464	14.797	16.565	18.156
47	Phường Đông Hà	38.495	10.496	13.345	15.885	17.810	19.542
48	Xã Hải Lăng	43.161	11.555	14.749	17.598	19.756	21.698
49	Xã Đông Trạch	26.209	6.954	8.893	10.623	11.934	13.113
50	Xã Hoàn Lão	73.970	19.540	25.014	29.896	33.594	36.923
51	Xã Cửa Tùng	75.193	19.519	25.083	30.046	33.806	37.189
52	Xã Bến Hải	29.721	7.389	9.588	11.550	13.036	14.373
53	Xã Quảng Trạch	41.207	10.232	13.281	16.001	18.061	19.916
54	Xã A Dơi	10.224	2.507	3.264	3.938	4.450	4.910
55	Xã Trường Ninh	40.924	10.034	13.062	15.763	17.810	19.651
56	Xã Vĩnh Linh	49.960	11.880	15.577	18.874	21.372	23.621
57	Xã Ninh Châu	34.496	8.079	10.632	12.908	14.633	16.186
58	Xã Khe Sanh	28.139	6.126	8.208	10.065	11.472	12.739
59	Xã Vĩnh Định	63.271	13.260	17.942	22.118	25.281	28.129
60	Phường Ba Đồn	26.934	5.611	7.604	9.382	10.728	11.940
61	Xã Mỹ Thủy	19.268	3.870	5.296	6.568	7.531	8.398
62	Xã Quảng Ninh	45.958	8.838	12.239	15.272	17.570	19.638
63	Xã Vĩnh Hoàng	58.125	10.788	15.089	18.926	21.832	24.447
64	Xã Hướng Phùng	24.824	4.470	6.307	7.945	9.187	10.304
65	Xã Côn Tiên	46.500	8.040	11.481	14.550	16.875	18.968
66	Xã Lệ Ninh	28.885	4.808	6.945	8.852	10.296	11.596
67	Xã Cửa Việt	36.188	5.791	8.469	10.857	12.667	14.295
68	Xã Thượng Trạch	2.245	347	513	661	774	875
69	Xã Kim Ngân	11.160	1.678	2.504	3.240	3.798	4.301
70	Xã Gio Linh	61.822	8.780	13.355	17.435	20.526	23.308
71	Xã Vĩnh Thủy	50.702	5.857	9.609	12.955	15.490	17.772

T T	Tên Đơn vị hành chính	Tổng số thửa	Phân theo mốc thời gian				
			Tính đến ngày 22/5/2026	30/5/2026	10/6/2026	20/6/2026	25/6/2026
72	Xã Nam Trạch	49.530	5.408	9.073	12.342	14.819	17.048
73	Phường Đồng Thuận	31.659	3.195	5.538	7.627	9.527	11.110
74	Phường Đồng Hới	52.460	5.109	8.991	12.453	15.601	18.224
75	Xã Dân Hóa	5.829	443	874	1.259	1.609	1.900
76	Xã Bến Quan	13.088	932	1.901	2.764	3.550	4.204
77	Phường Đồng Sơn	29.516	1.734	3.918	5.866	7.637	9.113
	Tổng cộng	2.641.407	781.697	951.040	1.104.476	1.237.871	1.363.928

